| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 6**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **177**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 12 - 2025.
*"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Danh Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Hoàng Kiệt

2. Bà Võ Cẩm Tú

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang***: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 89/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 2000 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình Th, xã Châu P, tỉnh An G.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Minh D, xã U Minh Th1, tỉnh An G.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 8 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim T trình bày*:**

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Kim T, anh Nguyễn Văn T1 *(Sau đây gọi tắt chị T, anh T1)* tự quen biết và sau một thời gian tìm hiểu cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang *(Nay thuộc xã U Minh Th1, tỉnh An G)* ngày 23/3/2020. Vợ chồng

chị T, anh T1 sống hạnh phúc được hơn 08 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không hợp. Anh T1 làm nghề lái xe ô tô (dịch vụ), nên thường đi qua đêm, bỏ mặc chị và con không quan tâm, tiền làm ra anh T1 tự tiêu xài riêng không đưa cho vợ trong khi chị mới sanh con không đi làm việc được, mọi chi phí nuôi con chị đều nhờ bên cha mẹ ruột của chị T. Anh T1 bỏ mặc chị và con mà còn thường gây sự với chị T, luôn đuổi chị T về sống với cha mẹ ruột của chị. Nhiều lần, vợ chồng chị T, anh T1 hàn gắn nhưng không có tiếng nói chung nên ly thân từ tháng 11/2020 cả hai không liên lạc nhau. Từ khi ly thân đến nay anh T1 không có đến thăm con và cũng không gửi tiền về cho chị nuôi con. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị T, anh T1 có 01 người con chung Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 15/5/2020, giới tính nam. Hiện cháu Khang đang sống với chị T. Vợ chồng ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị T, anh T1 không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại biên bản hòa giải ngày 27/10/2025 bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày:*** Về hôn nhân anh T1 đồng ý ly hôn với chị T, do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm với nhau nên đã ly thân từ đầu tháng 11/2020 đến nay không liên lạc nhau; về con chung, vợ chồng anh T1, chị T có 01 người con chung Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 15/5/2020 (Hiện con đang sống chung với chị T). Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con anh đồng ý; về chia tài sản chung anh T1, chị T không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi Tòa án lập biên bản hòa giải và Thẩm phán đọc biên bản cho đương sự cùng nghe thì bị đơn nghe điện thoại cá nhân và nói nguyên đơn tự mình ly hôn anh không ý kiến, sau đó anh T1 ngang nhiên bỏ đi về, mặc dù được Thẩm phán gọi lại nhưng anh không chấp hành.

**Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T1, do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống không tôn trọng nhau, anh T1 làm nghề tài xế lái xe thường đi qua đêm, bỏ mặc chị T, từ khi chị sanh con đến nay con được hơn 04 tuổi anh T1 cũng không quan tâm đến con; anh T1 tiền làm ra tự tiêu xài riêng không đưa cho vợ nuôi con, nên mọi chi phí sinh hoạt

chị đều nhờ bên cha mẹ ruột của chị T; vợ chồng ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Minh Khang, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:***

[1]. Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính xã U Minh Thượng, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân khu vực 6 xét xử là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh T1 được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T1.

[3]. Về nội dung vụ án: Hôn nhân của chị T và anh T1 là hợp pháp, lý do chị yêu cầu ly hôn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình về tiền bạc, vợ chồng không tôn trọng nhau. Anh T1 làm nghề lái xe ô tô dịch vụ, thường đi làm qua đêm, tiền làm ra tự tiêu xài cá nhân không đưa cho vợ để nuôi con, trong khi chị đang nuôi con nhỏ mới sanh được 02 tháng tuổi chị chưa đi làm, anh T1 bỏ mặc chị và con không quan tâm. Vợ chồng chung sống không tôn trọng nhau, nên tự ly thân từ đầu thàng 11/2020 đến nay con hơn 04 tuổi anh T1 không đến thăm con và cũng không gửi tiền về cho chị nuôi con, mọi chi phí nuôi con đều nhờ bên gia đình chị T.

Tại bản tự khai ngày 27/10/2025 của bị đơn anh T1, anh đồng ý ly hôn với chị T do vợ chồng không còn tình cảm nhau; anh T1 đồng ý giao con chung Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 15/5/2020 cho chị T nuôi dưỡng, anh có khả năng cấp dưỡng nuôi con; chia tài sản chung vợ chồng anh, chị không có tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa HĐXX đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng chị T kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh T1. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa anh, chị là mâu thuẫn thường xảy ra trong cuộc sống gia đình. Lẽ ra, các bên phải biết tìm hiểu rõ sự thật của vụ việc để thông cảm, tha thứ cũng như chia sẽ khó khăn cho nhau, tạo điều kiện cho anh, chị hàn gắn mâu thuẫn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng ở đây anh, chị không làm được điều đó mà lại quyết định sống ly thân, làm cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng thêm, làm cho

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị T, anh T1 có 01 người con chung Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 15/5/2020. Vợ chồng ly hôn chị T, anh T1 thống nhất giao con chung Nguyễn Minh Khang cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. HĐXX ghi nhận sự tự thỏa thuận của chị T, anh T1 nên giao con chung Nguyễn Minh Khang cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Về chia tài sản chung: Chị T, anh T1 không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu xem xét nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

**2.** Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 15/5/2020, giới tính nam (Hiện cháu Khang đang sống với chị T) cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng

quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

**3.** Về chia tài sản chung: Chị T, anh T1 không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu xem xét nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

**4.** Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Kim T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003802 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

**5.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 6;
- Phòng THADS Khu vực 6;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký, đóng dấu)

**Danh Hoàng**